



pián yi

便宜

Adjective · cheap

Example Sentences

zhè ge píng guǒ hěn pián yi
这个苹果很便宜。

This apple is very cheap.

zhè jiàn yī fu zhēn pián yi wǒ xiǎng mǎi
这件衣服真便宜，我想买。

This piece of clothing is really cheap, I want to buy it.

chāo shì de shuǐ guǒ yǒu shí hěn pián yi
超市的水果有时很便宜。

The fruit in the supermarket is sometimes very cheap.

Trace each character, then write the word on your own.

便宜 便宜 便宜 便宜 便宜 便宜 便宜 便宜 便宜 便宜

宜 宜 宜 宜 宜 宜 宜 宜 宜 宜 宜